| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƯƠNG MỸ**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **19 /**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Thế Lợi**
*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Hữu Trọng**
**Ông Nguyễn Ngọc Quý**

-***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:*** **Bà Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** **Anh Nguyễn Xuân D**, sinh năm 1972.
Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn AH, xã HD, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

***2.Bị đơn:*** **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973.
Nơi ĐKHKTT: Thôn AH, xã HD, huyện CM, Thành phố Hà Nội.
Nơi ở hiện tại: Thôn UH, xã LĐ, huyện CM, Thành phố Hà Nội.
Có mặt: Anh D.
Vắng mặt: Chị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1.Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân D trình bày:***

**Về quan hệ hôn nhân**: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/9/1992 tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh thường xuyên đi làm xa ít quan tâm đến vợ con. Từ năm 2003, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn UH, xã LĐ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định

không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

**Về con chung:** Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Xuân S, sinh ngày 30/6/1994 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 08/10/1996. Hiện tại cả hai cháu đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu giải quyết. Cháu S đã lập gia đình đang ở cùng anh, cháu Y đã đi làm đang ở cùng chị T.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2.Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

**Về quan hệ hôn nhân:** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải chị xác nhận chị và anh Nguyễn Xuân D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/9/1992 tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chửi bới vợ con. Chị đã nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ sinh sống do vợ chồng xảy ra xung đột, mâu thuẫn trầm trọng. Bố mẹ chồng chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh D không thay đổi. Từ tháng 10 năm 2005, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn UH, xã LĐ, huyện CM sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh D xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn vì cả hai vợ chồng đều đã nhiều tuổi và ảnh hưởng đến các con.

**Về con chung:** Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Xuân S, sinh ngày 30/6/1994 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 08/10/1996. Hiện tại cả hai cháu đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

**Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

***3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:***

- Anh D giữ yêu cầu xin ly hôn chị T. Về con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Chị T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:**

***Về tố tụng:*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung:*** Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh D và xử cho anh Nguyễn Xuân D được ly hôn chị Nguyễn Thị T; Về con

chung: Các con đã đến tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn chị Nguyễn Thị T đang cư trú tại xã LĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị T đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân D kết hôn với chị Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/1992 tại Uỷ ban nhân dân xã LĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) nên hôn nhân giữa anh D và chị T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh D, chị T và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa anh D và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải. Từ năm 2005, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn UH, xã LĐ, huyện CM sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Cả anh D và chị T đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị T đã không tồn tại trên thực tế từ lâu. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh D xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị T xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Xuân S, sinh ngày 30/6/1994 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 08/10/1996 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:***

**1.Về hôn nhân:** Anh Nguyễn Xuân D được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

**2.Về con chung:** Cháu Nguyễn Xuân S, sinh ngày 30/6/1994 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 08/10/1996 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét.

**3.Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**4.Về án phí:** Anh Nguyễn Xuân D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003752 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Nguyễn Xuân D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú./.

***Nơi nhận***
- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã LĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký)***

**Nguyễn Thế Lợi**